TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Bội S, sinh năm: 2001; Cư trú tại: Ấp L.M, xã M.L, huyện C, tỉnh L, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiếng P, sinh năm: 1997; Cư trú tại: Ấp 3, xã P.T, huyện C, tỉnh L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Lâm Bội S cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Bà S và ông P tổ chức đám cưới năm 2018. Hôn nhân của vợ chồng bà là do hai người tự quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Vợ chồng bà có tiến hành đăng ký kết hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã P.T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2019 ngày 13/3/2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau về vấn đề chăm sóc dạy dỗ con cái, ông P còn không lo làm mà thường xuyên đi chơi với bạn bè, bỏ bê vợ con, không quan tâm. Bà S đã có nói chuyện trao đổi với ông P để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng bà đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, ông P có về thăm con rồi đi, không quan tâm gì bà S. Bà S nhận thấy không thể duy trì hôn nhân với ông P nữa nên bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Vợ chồng bà S có 01 người con chung Nguyễn Lâm Bích T, sinh ngày 31/01/2019. Hiện nay, cháu T đang sống với bà S, khi ly hôn, bà S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, bà S không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Tiếng P. Ông P không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của bà S và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lâm Bội S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiếng P có nơi cư trú tại ấp 3, xã P.T, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Tiếng P được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Bà Lâm Bội S và ông Nguyễn Tiếng P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn 20/2019 ngày 13/3/2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau về vấn đề chăm sóc dạy dỗ con cái, ông P còn không lo làm mà thường xuyên đi chơi với bạn bè, bỏ bê vợ con, không quan tâm. Bà S đã có nói chuyện trao đổi với ông P để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn về phía ông P, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P không đến Tòa án tham gia hòa giải, không trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, không đưa ra phương án đoàn tụ. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà S và ông P không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S đối với ông P.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lâm Bích T, sinh ngày 31/01/2019. Hiện nay, cháu đang sống với bà S. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông P không có ý kiến về nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T đang sống với bà S, do đó để bảo đảm điều kiện P triển ổn định của cháu T nên giao cho bà S nuôi con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà S trình bày không có, ông P không có ý kiến về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà S trình bày không có, ông P không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Bội S về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Nguyễn Tiếng P.

Về hôn nhân: Bà Lâm Bội S được ly hôn với ông Nguyễn Tiếng P.

Về nuôi con chung: Giao cho bà S nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Lâm Bích T, sinh ngày 31/01/2019. Ông Nguyễn Tiếng P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Lâm Bội S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số 0000702 ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Võ Thu Xuân